

## 15 NĂM NHÌN LẠI

# MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI: ĐÔNG NAM Á HỌC

Nguyễn Quốc Lộc \*

### Thành lập Đại học Mở - Bán công Thành phố Hồ Chí Minh:

Lúc đầu là Viện Đào tạo mở rộng.

Ngày 15 tháng 6 năm 1990 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 451/TCCB cho “thành lập Viện Đào tạo mở rộng trực thuộc Trường Cán bộ quản lý Đại học và THCN và dạy nghề, để đảm nhiệm vai trò đầu mối trong hệ thống đào tạo mở ở nước ta. Viện Đào tạo mở rộng có hai cơ sở chính (ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) và liên kết với các Trung tâm Đào tạo – Bồi dưỡng địa phương để hình thành một mạng lưới trường, lớp của hệ đào tạo mở rộng trong toàn quốc”.

Vậy là một cơ sở đào tạo với mô hình mới chào đời với danh xưng Viện Đào tạo mở rộng. Ngày tháng năm sinh đã rõ từ đó trở thành ngày kỷ niệm thành lập trường. Nhưng hình thức và qui mô (trực thuộc trường Cán bộ quản lý với hai cơ sở) khó mà hoạt động có hiệu quả. Do đó, ngày 26 tháng 8 năm 1990 Bộ đã có cuộc họp quan trọng do một thứ trưởng chủ trì và nhiều vụ trưởng, vụ phó dự. Từ Thành phố Hồ Chí Minh, anh Cao Văn Phưởng là thủ trưởng cơ sở và tôi là Bí thư chi bộ phân hiệu Trường Cán bộ quản lý đã ra dự họp. Ngay sau cuộc họp chúng tôi trở về với một văn bản của Bộ qui định và hướng dẫn tổ chức một số lớp học. Đó là cuộc họp đáng nhớ mà tôi được dự với trách nhiệm Đảng cơ sở.

Ngay sau đó, ngày 15 tháng 10 năm 1990 Bộ ra quyết định mới nói rõ: “Viện đào tạo mở rộng trước đây thuộc Trường Cán bộ quản lý Đại học – THCN – DN, nay trực thuộc Bộ Giáo dục – Đào tạo” (QĐ số 1611/TCCB).

Rồi không lâu, ngày 12 tháng 12 năm 1990 Bộ trưởng có quyết định: “thành lập Viện Đào tạo mở rộng II trên cơ sở phân hiệu Trường Cán bộ quản lý Đại học – THCN và Dạy nghề hiện có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh” (QĐ số 2201/TCCB), TS.Cao Văn Phưởng được cử làm Viện trưởng.

Về tổ chức cơ sở Đảng, ngày 21 tháng 2 năm 1991 Thường vụ Đảng ủy khối cơ sở Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra nghị quyết số 51/NQ-NS với nội dung:

1. “Giải thể chi bộ cơ sở phân hiệu Trường Cán bộ quản lý Đại học - THCN và Dạy nghề.
2. Thành lập chi bộ cơ sở Viện Đào tạo mở rộng II trực thuộc Đảng bộ khối Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở các đảng viên sinh hoạt tại chi bộ phân hiệu Trường Cán bộ quản lý Đại học – THCN và dạy nghề trước đây.
3. Chỉ định đồng chí Nguyễn Quốc Lộc giữ chức Bí thư Chi bộ Viện Đào tạo mở rộng II”.

Sau một thời gian ngắn hoạt động có hiệu quả, Bộ đã có tờ trình lên Thủ tướng chính phủ xin nâng cấp Viện Đào tạo mở rộng II. Ngày 26 tháng 7 năm 1993 Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số 389 Ttg với các nội dung: “Cho phép thành lập Đại học Mở – Bán công Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Viện Đào tạo mở rộng II.

Đây là cơ sở đào tạo đại học có các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ, đào tạo tại các điểm vệ tinh... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ Khoa học kỹ thuật cho đất nước.

---

\* PGS.TS, nguyên là Trưởng khoa ĐNA học, ĐH Mở TP.HCM

“Hệ thống văn bằng của Đại học Mở-Bán công được đặt trong hệ thống văn bằng quốc gia”.

Một cơ sở đại học mới, một mô hình đào tạo mới ở nước ta đã ra đời và định hình như vậy. Đây là một trong những sản phẩm của thời kỳ đổi mới, của chủ trương xã hội hóa giáo dục. Cái mới bao giờ cũng là cái lạ, chưa quen, và nhiều khó khăn trong buổi đầu là điều không tránh khỏi.

Tôi vinh dự là một trong số không nhiều người lăm có mặt ngay từ buổi đầu của quá trình xây dựng và phát triển cơ sở đào tạo mới này: Đại học Mở – Bán công Thành phố Hồ Chí Minh, mà gần ba năm đầu mang tên Viện Đào tạo mở rộng.

Tổ chức cơ sở Đảng của Đại học Mở – Bán công là Chi bộ Viện Đào tạo mở rộng II đổi tên và tôi được cử, sau thì được bầu làm Bí thư. Số đảng viên của chi bộ ít ỏi, ngồi chừa kín xung quanh một chiếc bàn, nhưng ngay từ đầu đã nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí, hăng hái làm tốt nhiệm vụ được giao. Người ít nên đảng viên nào cũng được Viện trưởng phân công làm nhiều việc. Anh Chu Văn Vỵ phụ trách phòng hành chính – Tổng hợp – Tổ chức – Đối ngoại, anh Phan Kim Châu làm trưởng phòng Tài vụ, anh Bùi Xuân Đổ lo công tác giáo dục rồi phụ trách công tác chính trị tư tưởng – quản lý sinh viên, tôi được cử làm Trưởng Ban khoa học xã hội.

Nhận thức về tính chất của mô hình đào tạo mới, tôi đã có suy nghĩ và đề xuất với Viện trưởng cách diễn đạt tôn chỉ mục đích của nó bằng ngôn từ:

“Viện Đào tạo Mở rộng

Cổ vũ tinh thần ham học hỏi

Đề cao khả năng tự đào tạo.

Dẫn thân cho sự nghiệp

nâng cao dân trí,

đào tạo nhân lực,

bồi dưỡng nhân tài cho xã hội Việt Nam phát triển”.

Anh Cao Văn Phường hoan nghênh chấp thuận, có sửa một hay hai chữ cho sử dụng rộng rãi và đã trọng thưởng cho tác giả. Đến dùng tôn chỉ mục đích bằng ngôn từ mà tôi là tác giả đó.

Là Trưởng Ban khoa học xã hội của Viện Đào tạo mở rộng tôi được Viện trưởng giao làm một công việc mà tôi rất tâm đắc: mở các lớp bồi dưỡng cán bộ dân tộc Khmer.

Một nhà trường mới thành lập, ngân sách chưa có thu, mà mở sớm những lớp học nhằm phục vụ xã hội, góp phần thực hiện chính sách dân tộc của Đảng là một chủ trương đúng mà tôi hết sức ủng hộ. Tôi còn nhận ra “cái tâm” của người lãnh đạo – TS.Cao Văn Phường khi anh bàn với tôi phải tổ chức lớp đạt hiệu quả thiết thực, phải chăm sóc thật chu đáo học viên, nhất là các vị sư người Khmer và không thu bất cứ khoản học phí, lệ phí nào hết.

Là nhà dân tộc học nên tôi không khó khăn nhiều trong việc điều tra cơ bản, nghiên cứu dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng xác định yêu cầu của lớp học là chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho bà con Khmer, tôi rất bỡ ngỡ, lúng túng trong việc xác lập chương trình đào tạo và tổ chức lực lượng giảng dạy về kỹ thuật và công nghệ. Một số cộng tác viên là cán bộ người Khmer rất tâm huyết và nhiệt tình giúp tôi như bác Trịnh Thời Cang, anh Sorya và TS.Trần Thanh Pôn,... về văn hóa, xã hội. Còn về khoa học công nghệ tôi được anh Phường giới thiệu các chuyên gia ở Viện Cơ khí nông nghiệp, Viện Công nghệ sau thu hoạch ở Thành phố Hồ Chí Minh và ở Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, ở khoa Trồng trọt và khoa chăn nuôi của Trường Đại học Cần Thơ... bàn hợp tác giúp đỡ.

Trong một buổi họp ở hội trường T.78 tôi đã gặp và trình bày với anh Nông Đức Mạnh (lúc đó là trưởng Ban Dân tộc, nay là Tổng Bí thư) về chủ trương và kế hoạch mở lớp bồi dưỡng cho người Khmer của Viện Đào tạo mở rộng. Anh Nông Đức Mạnh chăm chú lắng nghe và ủng hộ mạnh mẽ, Anh nói:

- “Đây là việc làm rất tốt và đúng lúc, vì Trung Ương đã có chỉ thị về công tác dân tộc Khmer. Tôi vội ra, không đến thăm Viện Đào tạo mở rộng, nhưng tôi sẽ cử người vào ngay chỗ các anh”.

Tôi ghi địa chỉ gửi anh. Chỉ vài hôm sau, ngày 17 tháng 10 năm 1990, Phó Trưởng ban Dân tộc Trung Ương – Đinh Ngọc Sơn bay vào, đến thăm và làm việc tại Viện Đào tạo mở rộng ở 97 – Võ Văn Tần.

Sau một thời gian chuẩn bị kỹ, lớp chuyển giao kỹ thuật cho đồng bào dân tộc Khmer do Viện Đào tạo mở rộng II tổ chức khai mạc vào sáng ngày 5 tháng 6 năm 1991, kéo dài đến hết ngày 26 tháng 6 năm 1991 tại Thành phố Cần Thơ.

Tôi vui mừng đón 52 học viên từ 5 tỉnh đến dự lớp, trong đó 45 là người Khmer, 6 là nữ và có 4 vị sư.

Trước khi làm lễ khai giảng lớp học tôi đã nhận được bức điện từ Hà Nội của Ban Dân tộc Trung ương gửi vào. Nội dung toàn văn bức điện như sau: “Ban Dân tộc Trung ương điện giáo sư Nguyễn Quốc Lộc, Trưởng ban chỉ đạo lớp Bồi dưỡng Cán bộ dân tộc Khmer của Viện Đào tạo mở rộng, 256 Nguyễn Văn Cừ, Cần Thơ.

Vì bận đột xuất nên Ban Dân tộc Trung ương không vào dự được buổi khai giảng Lớp Bồi dưỡng Cán bộ dân tộc Khmer. Chúc các đồng chí giảng viên và học viên dồi dào sức khỏe, đạt nhiều thành tựu trong giảng dạy và học tập, đồng thời qua lớp bồi dưỡng này các đồng chí sẽ đúc rút được kinh nghiệm tốt cho việc tổ chức các lớp tiếp theo”.

Điện chúc mừng của Ban Dân tộc Trung ương là nguồn động viên quý báu và chúng tôi coi việc “đúc rút cho được kinh nghiệm tốt để mở các lớp sau” là nhiệm vụ được giao phó.

Trong suốt ba tuần lễ, học viên tập trung ở Trung tâm Đào tạo Tại chức tỉnh Hậu Giang, được chăm sóc chu đáo về ăn ở. Nội dung học tập của lớp nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bà con vùng Khmer, gồm các vấn đề: Đặc điểm sinh thái Đồng bằng sông Cửu Long, về hệ thống canh tác, các mô hình tiên tiến VACB, về chăn nuôi, về thủy sản, về tổ chức và quản lý một trung tâm phổ biến khoa học – kỹ thuật – văn hóa ở vùng dân tộc. Học viên còn được nghe trình bày một số vấn đề về xã hội, giáo dục, về nâng cao dân trí vùng dân tộc Khmer.

Lớp học được bố trí nhiều thời gian để học viên được khảo sát thực tế, đi tham quan, tham gia hội thảo và có thực tập xây dựng đề án hoạt động sau khi học xong cho từng người. Lớp học đã thành công rất tốt đẹp. Với kinh nghiệm của lớp đầu tiên, tôi được giao nhiệm vụ tổ chức lớp thứ hai ngắn ngày cho 60 học viên, trong đó có 6 vị sư, 44 nông dân và 10 cán bộ người Khmer tại một ngôi chùa gần thị xã Bạc Liêu vào cuối năm 1991. Sang năm 1992, Viện Đào tạo mở rộng II còn liên tục tổ chức ba lớp chuyển giao kỹ thuật cho người Khmer ở Sóc Trăng (71 học viên), ở Rạch Giá (154 học viên) và lớp cho đồng bào dân tộc Chăm ở Ninh Thuận. Các lớp sau đó anh Bùi Xuân Đỗ phụ trách thay tôi.

Là trưởng ban khoa học xã hội còn được Viện trưởng giao nhiệm vụ chuẩn bị cho việc mở ngành đào tạo mới về phụ nữ học. Đây là một việc quá mới mẻ. Trong thời gian đầu, tôi đã gặp và trao đổi với một số nhà nữ khoa học và cán bộ quản lý về chủ trương và đặt quan hệ hợp tác. Tôi đã đến Hội liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Tổng biên tập Báo Phụ nữ, giám đốc bảo tàng Phụ nữ Nam bộ và giám đốc bệnh viện Phụ Sản. Những người tôi gặp đều rất hoan nghênh việc mở ngành học này. Các bà trong tổ Phụ nữ Nam bộ và bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng đã đến Viện Đào tạo mở rộng để cùng trao đổi, bàn bạc một cách nhiệt tình.

Có một kỷ niệm nhỏ liên quan đến tôi trong thời gian này. Báo tuổi trẻ số ra ngày 13-4-1991 đăng bài “Đề nghị khôi phục tên Từ Dũ cho bệnh viện Phụ Sản” với nội dung: “Cái tên “Nhà thương Từ Dũ” đã có từ năm 1951 và nhân dân tất cả các tỉnh phía Nam đều đã quen gọi. Năm 1977, Bộ y tế quyết định không đặt tên bệnh viện là Từ Dũ nữa, mà đổi thành Bệnh viện Phụ Sản.

Ngày 9-4-1991, Hội đồng khoa học gồm GS.Trần Văn Giàu (Chủ tịch Hội đồng KHXHNV), đồng chí Trần Bạch Đằng (Phó Chủ tịch HĐ KHXHNV), GS Lý Chánh Trung (Phó Chủ tịch HĐ KHXHNV), GS.Nguyễn Quốc Lộc (Trưởng Ban Khoa học xã hội Viện Đào tạo mở rộng Tp. Hồ Chí Minh) đã công bố sử liệu về bà Từ Dũ...

Hội đồng khoa học đã nhất trí khôi phục tên Từ Dũ cho Bệnh viện Phụ Sản.

Đó là cuộc hội thảo khoa học do Bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng đứng ra tổ chức tại bệnh viện mà chị là giám đốc. Tôi là người Chủ từ, đã mời Tiến sĩ Ngô Văn Lý chuẩn bị báo cáo đề dẫn với đầu đề Tìm hiểu về Bà Từ Dũ (Phạm Thị Hằng (1810-1901)). Tôi cũng nhận được bài của Anh Trần Bạch Đằng “vài sử liệu về Từ Du” đề ngày 6-4-1991. Số người tham dự khá đông và thực ra hội thảo không quyết định được việc đặt tên cho bệnh viện. Nhưng sau hội thảo đó, chị Ngọc Phượng đã đạt được nguyện vọng là bệnh viện lại được gọi là Bệnh viện Phụ Sản Từ Dũ.

Việc chuẩn bị mở ngành Phụ nữ học tôi chỉ tham gia được chừng đó còn phải làm việc chính của tôi, là chuẩn bị mở ngành Đông Nam Á học. Tôi đã giới thiệu với Viện trưởng Cao Văn Phường mời TS.Thái Thị Ngọc Dư (người mà tôi đã có dịp quen từ năm 1975 ở Huế) làm trưởng khoa Phụ nữ học. Cùng với khoa Công thôn, khoa Phụ nữ học được thành lập vào năm 1992. Các khoa Ngoại Ngữ, Quản Trị Kinh doanh và Tin học của Viện Đào tạo mở rộng thành lập đầu tiên vào năm 1990. Còn khoa Công nghệ Sinh học và Khoa Đông Nam Á học chào đời năm 1991.

#### ♦ Mở ngành đào tạo mới: Đông Nam Á học

Ngày 19 tháng 9 năm 1991 quyết định thành lập khoa Đông Nam Á học tại Viện Đào tạo mở rộng II được ban hành.

Tôi còn nhớ rõ đúng ngày hôm ấy, khi tôi vừa mới treo tấm biển “Ban khoa học xã hội” lên trước cửa phòng làm việc của mình thì Viện trưởng Cao Văn Phường đến. Anh nhìn tấm biển, cười rồi vui vẻ nói với tôi:

–“Anh làm ngay tấm biển khác: Khoa Đông Nam Á học”.

Rồi anh trao quyết định và chúc mừng tôi được cử giữ chức Chủ nhiệm khoa Đông Nam Á học đầu tiên của Việt Nam.

Từ nhiều tháng nay, vừa lo các lớp chuyển giao kỹ thuật cho đồng bào Khmer và góp phần chuẩn bị cho ngành Phụ nữ học, nhưng tôi đã làm được nhiều việc để chiêu sinh lớp Đông Nam Á học đầu tiên.

Hơn 250 người đã nộp hồ sơ xin vào học ngành Đông Nam Á học. Thật bất ngờ, con số đó vượt quá dự đoán của chúng tôi rất nhiều. Phải tổ chức thành hai lớp học vào buổi sáng và buổi chiều. Lực lượng giảng viên dạy các môn học phải tăng thêm.

Ngày 30 tháng 10 năm 1991 tất cả sinh viên ngành Đông Nam Á học khóa đầu tiên dự lễ khai giảng trọng thể tại Viện Đào tạo mở rộng II.

Văn phòng khoa Đông Nam Á học tại cơ sở 97-Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ một gian nhỏ, đủ kê một bàn làm việc cho Chủ nhiệm khoa và bộ bàn ghế tiếp khách. Một mình tôi phải tự lo mọi việc để khoa làm việc được, từ tuyển nhân viên, sắm trang thiết bị... Hội đó mua một máy đánh chữ giá vài trăm ngàn đồng đã là vấn đề khó khăn lắm. Cái thuở ban đầu từ hai bàn tay trắng “vạn sự khởi đầu nan” mà.

Vấn đề quan trọng mà tôi dành nhiều công sức và có nhiều biện pháp cụ thể thực hiện là tổ chức, tập hợp lực lượng, tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ của các nhà khoa học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi vui mừng nhận được các bản thỏa thuận hợp tác đào tạo về Đông Nam Á học của ba cơ quan khoa học: Hội đồng khoa học xã hội Thành phố do Phó Chủ tịch Trần Bạch Đằng ký, Viện khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh do Phó Viện trưởng PGS.TS. Mạc Đường ký, và Trung tâm Việt Nam – Đông Nam Á thuộc trường Đại học Tổng hợp do giám đốc TS.Nguyễn Văn Lịch ký.

Một Hội đồng khoa học “có chức năng tư vấn khoa học cho chủ nhiệm khoa Đông Nam Á học trong lãnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học” được quyết định thành lập đầu tiên gồm 12 nhà khoa học do tôi làm chủ tịch. Hai vị cố vấn là Giáo sư Trần Văn Giàu và nghiên cứu Trần Bạch Đằng. Các ủy viên gồm:

TS.Thái Thị Ngọc Dư

GS.TS.Phạm Đức Dương

GS.Nguyễn Tấn Đắc

PGS.TS.Mạc Đường

TS.Đào Duy Huân

PGS.TS.Lâm Quang Huyền

TS.Nguyễn Văn Lịch

TS.Nguyễn Xuân Quế và

TS.Phan Lạc Tuyên

Hội đồng khoa học đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học ngành Đông Nam Á học đầu tiên ở nước ta. Khi duyệt chương trình còn có GS.Nguyễn Văn Sơn, TS.Trương Giang Long, TS.Huỳnh Văn Tông ở Thành phố Hồ Chí Minh và GS.Phan Ngọc Biên từ Hà Nội vào tham gia. Chương trình đào tạo đại học ngành Đông Nam Á học do chúng tôi xây dựng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và được sử dụng. Đó là một thành công quan trọng để mở một ngành học mới.

Tổ chức một lực lượng giảng dạy gồm nhiều người, đủ các môn học đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo mới mẻ đó là một việc có nhiều khó khăn. Rồi khi số lượng sinh viên tăng lên quá nhiều, quá nhanh, có thêm khóa mới, rồi mở thêm các lớp ở các tỉnh ở Đồng bằng Sông Cửu Long và miền Trung... thì số giảng viên lại tăng hơn nữa. Tôi thật hạnh phúc khi có nhiều nhà khoa học có uy tín, có kinh nghiệm giảng dạy, giàu tâm huyết với sự nghiệp đào tạo hết lòng cộng tác.

Ngoài những thành viên trong Hội đồng khoa học của khoa, tôi đã mời được hơn ..... Nhà khoa học giảng dạy cho đủ các môn học. Các thầy, cô giáo phải vượt qua nhiều khó khăn để trong một thời gian rất ngắn chuẩn bị bài giảng, nhất là các môn học chuyên ngành về khu vực học Đông Nam Á. Ngay từ những buổi học đầu tiên sinh viên khóa I chăm chú lắng nghe thầy cô giảng các môn: khảo cổ học Đông Nam Á (TS.Nguyễn Thị Hậu), Địa lý các nước Đông Nam Á (TS.Thái Thị Ngọc Dư), Lịch sử bang giao Việt Nam Đông Nam Á (TS.Phan Lạc Tuyên), Lịch sử các nước Đông Nam Á (TS. Lê Văn Quang, TS.Nguyễn Văn Lịch), Kinh tế Đông Nam Á (Lâm Quang Huyền, TS. Lê Vinh Danh), ngôn ngữ học (TS. Đặng Ngọc Lệ, TS. Lê Trung Hoa)...

Các bộ môn trong khoa cũng sớm được thành lập: Văn hóa Đông Nam Á do GS.Nguyễn Tấn Đắc làm chủ nhiệm, kinh tế Đông Nam Á do TS. Đào Duy Huân làm chủ nhiệm bộ môn. TS. Phan Lạc Tuyên, Phó Trưởng khoa kiêm chủ nhiệm bộ môn Văn hóa Chăm (một thời gian ngắn).

Trong chương trình đào tạo Đông Nam Á học, ngoài tiếng Anh là ngoại ngữ I, sinh viên còn được học một ngoại ngữ II là tiếng các nước châu Á (Hoa, Nhật, Hàn, Mã Lai...). Những năm đầu mời giảng viên dạy các TS. Nguyễn Xuân Quế giúp chuẩn bị chương trình học tiếng Hoa và mời giảng viên (Cô Nguyễn Thị Kim Liên và thầy Lê Văn Tịch) đến dạy. Môn tiếng Nhật thì cô Nguyễn Thị Sử, đang là sinh viên khóa I và mời các thầy từ trường Đông Du sang dạy. Môn tiếng Mã Lai thì giảng viên duy nhất là TS. Phú Văn Hãn vừa dạy cho sinh viên vừa giúp dạy cho lớp cán bộ nhân dân của khoa.

Ngay từ đầu tôi đã quan tâm đến việc bảo đảm chất lượng đào tạo, nên thiết tha đề nghị quý thầy cô giảng dạy khẩn trương chuẩn bị giáo trình. Các môn học thuộc khối kiến thức chung có giáo trình dùng cho nhiều trường, nhưng các môn học chuyên ngành Đông Nam Á học chưa có sẵn và chỉ dùng ở khoa này. Khó khăn đó đã được nỗ lực giải quyết. Khoa chọn ngay những giáo trình đã được chuẩn bị. Sinh viên khoa Đông Nam Á học rất phấn khởi khi cầm trong tay những quyển sách mới mà ở bìa có ghi rõ "Tủ sách khoa Đông Nam Á học". Chỉ trong vòng mấy năm đầu số sách, giáo trình do khoa học và tác giả ấn hành đã lên đến trên 20 quyển. Trong đó, phần lớn thuộc các môn học chuyên ngành, như:

- Lịch sử Indonesia của Huỳnh Văn Tông, 1992.

- Lịch sử bang giao Việt Nam - Đông Nam Á của Phan Lạc Tuyên, 1993.
- Lịch sử Thái Lan của Huỳnh Văn Tông, 1993.
- Lịch sử Philippines của Huỳnh Văn Tông, 1993.
- Lịch sử Malaysia, Singapore và Brunei của Huỳnh Văn Tông, 1993.
- Địa lý các nước Đông Nam Á do Thái Thị Ngọc Dư chủ biên, 1993.
- Kinh tế Vương quốc Thái Lan của Lâm Quang Huyền, 1993.
- Kinh tế các nước Myanmar, Campuchia và Lào của Lâm Quang Huyền, 1994.
- Lịch sử các nước Đông Nam Á (thời kỳ cổ – trung đại) của Lương Ninh và Hà Bích Liên, 1994.
- Lịch sử các nước Đông Nam Á (thời kỳ cận – hiện đại) của Huỳnh Văn Tông và Đinh Kim Phú, 1995.
- Lịch sử hình thành và phát triển ASEAN của Lâm Quang Trực và Đinh Kim Phúc, 1995.
- Kinh tế các nước Đông Nam Á của Đào Duy Huân, 1995.
- Giao tiếp đối ngoại của Nguyễn Thanh Tâm, 1995

Các môn học thuộc khối kiến thức đại cương có giáo trình của các thầy cô: Trần Hữu Quang (xã hội học), Trần Tuấn Lộ (Tâm lý học), Tạ Văn Thành (Mỹ học), Vũ Thị Bích Hường (Pháp luật đại cương), Ngô Công Thành (Thương lượng học)...

Những năm sau, “Tủ sách khoa Đông Nam Á học” còn có thêm những giáo trình mới:

- Lịch sử bang giao Việt Nam – Đông Nam Á của Trần Thị Mai.
- Địa lý các nước Đông Nam Á của Thái Thị Bình.
- Thể chế chính trị các nước ASEAN của Nguyễn Xuân Tế.
- Văn hóa Đông Nam Á của Nguyễn Tấn Đắc.
- Chiến lược phát triển các nước Đông Nam Á của Nguyễn Thu Mỹ...

Các giáo trình đã tái bản nhiều lần, phục vụ kịp thời cho sinh viên góp phần bảo đảm chất lượng đào tạo và là niềm tự hào của khoa Đông Nam Á học trong thập niên cuối thế kỷ XX. Có những giảng viên do quá bận chưa in được giáo trình nhưng đã có biện pháp giúp sinh viên học tốt môn học chuyên ngành mới mẻ: PGS.Nhạc sĩ Thế Bảo (môn âm nhạc Đông Nam Á), PGS.TS.Mạc Đương, PGS.TS.Phan An (chuyên đề người Hoa), PGS.TS. Ngô Văn Lệ dạy cho lớp ở thành phố và cả lớp Vĩnh Long, TS. Nguyễn Khắc Cảnh dạy và đưa sinh viên đi học thực tế ở Trà Vinh, Kiên Giang... PGS.TS. Đặng Công Minh là Phó hiệu trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy nhà trường đã giảng dạy môn Địa lý kinh tế biển...

Mặc dù rất bận nhưng tôi đã dạy một số môn để trực tiếp nắm được tình hình học tập của sinh viên. Tôi đã biên soạn và sớm in giáo trình Dân tộc học, tái bản nhiều lần phục vụ sinh viên. Có các môn học tôi chuẩn bị bài giảng đưa vào in trong bộ sách “Đông Nam Á ngày nay” (môn dẫn nhập Đông Nam Á học trong số 1 và 4, môn các dân tộc Đông Nam Á trong số 2, môn phương pháp nghiên cứu khoa học trong số 6...).

“Đông Nam Á ngày nay” do tôi chủ biên ra đời mỗi năm một số, là hệ thống tài liệu tham khảo cho sinh viên. Ngay từ lúc sinh viên khóa đầu tiên mới nhập học (tháng 9 – 1991) tôi đã in xong quyển “Tài liệu tham khảo Đông Nam Á” (85 trang). Trong đó, ngoài các bài viết của tôi có 2 bài của cố vấn Trần Bạch Đằng: “Đông Nam Á hiện nay – Nhìn theo lăng kính Việt Nam” (7 trang) và bài “Việt Nam và Hiệp hội Đông Nam Á” Triển vọng của sự hợp tác khu vực” (33 trang).

“Đông Nam Á ngày nay” số 1 xuất bản vào tháng 9 năm 1992 (184 trang) với 12 tài liệu tham khảo, trong đó có bài “thăm ba con rồng châu Á” của Trần Bạch Đằng và bài “Indonesia trước cách mạng Tháng Tám năm 1945” của GS. Trần Văn Giàu.

“Đông Nam Á ngày nay” số 2 (tháng 10 – 1993, 186 trang) có bài “phương pháp luận về việc đưa các yếu tố văn hóa vào các kế hoạch và dự án phát triển” của GS. Trần Văn Giàu và bài “Về nghiên cứu Đông Nam Á hiện nay (đề cương bài giảng)” của Trần Bạch Đằng.

Bộ sách “Đông Nam Á ngày nay” ra liên tục 8 số liền với gần 2000 trang là tài liệu tham khảo, phục vụ học tập cho sinh viên trong thời điểm mà thông tin về khu vực trên sách báo còn ít ỏi. Hai vị cố vấn khả kính, hai nhà cách mạng lão thành đã dành cho chúng tôi sự khích lệ mạnh mẽ, bằng cách là viết bài báo cho để cổ vũ và phục vụ đào tạo. Sinh viên khoa Đông Nam Á học đã đọc và tri ân quý vị.

Tôi cũng đã tranh thủ được sự giúp đỡ quý báu, hợp tác chặt chẽ của Viện Đông Nam Á và nhiều nhà khoa học ở Hà Nội. Khi đến thăm Viện Đào tạo mở rộng vào đầu tháng 2 năm 1993 gặp Bộ trưởng Phan Văn Tiệm đang giảng bài “Chính sách kinh tế vĩ mô các nước Đông Nam Á” cho sinh viên khoa Đông Nam Á học, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã vui vẻ nói: Khoa này có được đội tuyển quốc gia” đấy.

Viện trưởng Viện Đông Nam Á và sau là Chủ tịch Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á – GS.TS. Phạm Đức Dương đã hết lòng giúp đỡ chúng tôi. Từ Hà Nội, anh sớm vào góp phần xây dựng chương trình đào tạo, tham gia các hoạt động khoa học, giảng dạy cho sinh viên các lớp ở thành phố và đến cả các tỉnh miền Tây xa xôi. Đọc những trang viết trong quyển sách “25 năm tiếp cận Đông Nam Á học” (Hà Nội, 1998) của GS. Phạm Đức Dương để thấy được tác giả đã dành nhiều tâm huyết cho sự nghiệp đào tạo Đông Nam Á học biết chừng nào.

PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ, Phó Viện trưởng Viện Đông Nam Á nhiều năm liền vào giảng dạy và dành thời gian biên soạn hai giáo trình “Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á” và “Chiến lược phát triển các nước Đông Nam Á”. Sinh viên khoa Đông Nam Á học cũng đã được học các thầy khác từ Viện Đông Nam Á ở Hà Nội vào dạy. Viện trưởng, PGS.TS. Phạm Đức Thành giảng bài cho sinh viên đã thuyết trình về “Quá trình Việt Nam tham gia ASEAN” tại hội thảo khoa học do tôi tổ chức.

Hội thảo và nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học ở Đông Nam Á học rất sớm được quan tâm và thực hiện thành công. Kết quả đó mà góp phần phục vụ xã hội, vừa thiết thực phục vụ yêu cầu đào tạo của khoa.

Đầu tiên là “Hội thảo Kinh tế – Văn hóa Chăm” tổ chức vào tháng 12 năm 1992. Trước hội thảo tôi đã cho sinh viên đến tìm hiểu thực tế người Chăm ở các quận: 1, 8, Bình Thạnh... của Thành phố Hồ Chí Minh, còn mình đi khảo sát ở Phan Rang và Châu Đốc.

Có một kỷ niệm mà tôi nhớ nhiều ở chuyến đi Phan Rang, Anh Hải Liên, Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Ninh Thuận đưa chúng tôi đến thăm một gia đình người Chăm. Khi được giới thiệu đây là tác giả vừa đoạt giải nhất trong cuộc triển lãm nghệ thuật quốc gia ở Hà Nội, tôi hỏi chủ nhà về tác phẩm của anh. Tôi tưởng là bức tượng cỡ lớn đó đang còn triển lãm ở thủ đô hoặc trưng bày ở tỉnh. Nhưng không phải. Tác giả đã cho chúng tôi xem bức tượng thần Siva đang để ở trong buồng tối, vì gian nhà ngoài quá chật.

Tôi nói với anh Hải Liên và với tác giả:

- “Cần để cho nhiều người được xem tác phẩm và được biết tác giả. Xin Sở Văn hóa và tác giả cho tôi mua bức tượng này đưa về Thành phố Hồ Chí Minh, trước mắt giới thiệu ở Hội thảo khoa học sắp tổ chức, sau đó với những khách trong và ngoài nước khi đến thăm khoa Đông Nam Á học”.

Anh Hải Liên rất đồng tình, Anh Xưởng – tác giả đã bàn với vợ rồi cảm động nói:

- “Vợ chồng tôi mừng quá, xin các thầy trả cho một triệu đồng”.

Tôi nhìn TS. Cao Văn Phường đang đứng bên cạnh và chờ ý kiến của anh. Vì hồi đó, theo cơ chế quản lý tài chính thì Khoa trưởng được tự mua sắm những thứ cần cho phục vụ của khoa nhưng phải được Viện trưởng duyệt và phải đủ chứng từ hợp lệ.

Anh Cao Văn Phường đã làm một việc lạ và rất hay, Anh nói:

- “Chúng tôi cảm ơn tỉnh Ninh Thuận và cảm ơn anh Xưởng và chị Xưởng. Tôi xin gửi anh chị một triệu rưỡi đồng. Số tiền này là Viện cấp và Khoa Đông Nam Á học toàn quyền quản lý và sử dụng”.

Tôi hiểu điều đó anh Phường muốn nói với tôi có nghĩa là tôi không phải trả tiền. Người mua trả cao hơn giá người bán đòi là điều lạ, ít có. Và quyết định của Viện trưởng là một khách lệ đối với hội thảo mà tôi đang chuẩn bị.

Hội thảo khoa học “Kinh tế – Văn hóa Chăm” do được chuẩn bị chu đáo đã diễn ra rất tốt đẹp. Tôi nhận được 45 báo cáo gửi đến. Và càng mừng hơn là thành phần tham gia. Có những tác giả từ Hà Nội vào dự (Nguyễn Quốc Chấn, Công Kim Thắng), có lãnh đạo Sở Văn hóa các tỉnh, đồng người Chăm (Ninh Thuận, An Giang, Tây Ninh). Có đến gần chục tác giả là người Chăm (TS. Phú Văn Hấn, TS. Bá Trung Thụ, TS. Thành Phần và 5 tri thức ở Phan Rang), có các nhà nghiên cứu Chăm ở Viện khoa học xã hội, ở Trường Đại học Tổng hợp, Trường Đại học Sư Phạm, Viện Bảo tàng Lịch sử. Và, thật thú vị, 12 sinh viên khoa Đông Nam Á học có báo cáo trình bày được hoan nghênh do có nhiều tư liệu mới thu thập được ở thực địa.

Một vinh dự lớn là Hội thảo khoa học Kinh tế – Văn hóa Chăm được đón đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư của Đảng đến dự, phát biểu ý kiến biểu dương, động viên.

Lúc đó, Khoa Đông Nam Á học mới qua một năm thành lập và đây là hội thảo đầu tiên. Kinh nghiệm thành công đã giúp tôi tổ chức được nhiều hội thảo khoa học trong những năm sau: “Hội thảo khoa học chào mừng Việt Nam gia nhập ASEAN” (7 – 1995), “Hội thảo khoa học – thực tiễn 30 năm ASEAN” (8 – 1997), “Hội thảo khoa học kỷ niệm 300 năm Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh (1698 – 1998)”...

Các báo cáo khoa học trình bày ở hội thảo được in thành kỷ yếu hoặc in trong bộ sách “Đông Nam Á ngày nay (số 3, số 5, số 7) là tài liệu phục vụ học tập cho sinh viên của khoa Đông Nam Á học. Và công tác nghiên cứu khoa học thực sự có tác động tốt đến chất lượng đào tạo. Sinh viên của khoa Đông Nam Á học sớm được tập dượt nghiên cứu khoa học, có cơ hội tham gia làm đề tài, dự các hội thảo. Hẳn không phải ngẫu nhiên mà sau này khoa Đông Nam Á học luôn dẫn đầu về số lượng sinh viên tham gia các cuộc thi nghiên cứu hằng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cũng như chương trình Eureka của Thành Đoàn.

Tôi đã trực tiếp hướng dẫn nhiều sinh viên dự thi và đạt giải. Có sinh viên đạt giải xuất sắc đặc biệt toàn Thành phố (Đề tài tác động của đường Hồ Chí Minh đến văn hóa dân tộc CơTu tại tỉnh Quảng Nam) và tôi được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen. Có sinh viên trong bốn năm học thì ba năm liền đều có đề tài dự thi nghiên cứu khoa học và đạt giải (Nguyễn Thị Mỹ Lệ), và cả ba đề tài đều do tôi hướng dẫn. Tận mắt thấy sự tiến bộ và thành công của sinh viên qua lao động khoa học có được, tôi thật sự hạnh phúc.

Khoa Đông Nam Á học của Viện Đào tạo mở rộng, sau là Đại học Mở – Bán công Thành phố Hồ Chí Minh mới ra đời, nhưng nhanh chóng được xã hội biết đến. Số người ghi danh và được xét tuyển nhập học tăng rất nhiều qua từng khóa. Khóa I (1991-1995) với 250 sinh viên, đến khóa II (1992-1996) đã tăng gấp 3 lần, phải mở thêm lớp buổi tối dành cho những người vừa đi làm vừa học, và một lớp ở tỉnh Vĩnh Long. Đến khóa III (1993-1997) tăng lên quá nhiều: ở Thành phố Hồ Chí Minh có 8 lớp (mỗi lớp trên 100 sinh viên) và mở lớp ở ba tỉnh Vĩnh Long, Kiên Giang và Phú Yên mỗi lớp có 150-200 sinh viên. Đến khóa IV (1994-1998) mở thêm lớp ở Bạc Liêu. Sau khi tuyển khóa IV sinh viên của khoa đủ cả 4 năm học với tổng số gần ba nghìn người.

Sinh viên các lớp Đông Nam Á học trong những khóa đầu thành phần đa dạng. Có khá nhiều người lớn tuổi, nhiều cán bộ đương chức đi học (nhất là ở các tỉnh), nhiều thành phần dân tộc (Hoa, Chăm, Khmer) và tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành...)

Tim kiếm địa điểm, họp đồng sử dụng các lớp học, hội trường và cả văn phòng làm việc cho khoa... đều do

Trưởng khoa tự lo liệu. Ở Thành phố Hồ Chí Minh tôi đã nhờ đến cơ sở của Viện khoa học xã hội, Nhà Văn hóa Lao động, Trường Phổ thông Lao động, Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương và lâu bền nhất là Trường Dự bị Đại học ở 91 – Nguyễn Chí Thanh, quận 5.

Điều hành quản lý việc học tập cho một số lượng sinh viên lớn, nhiều lớp đông người, phân tán ở nhiều địa điểm, cả ban ngày và ban đêm, có lớp học vào ngày chủ nhật... là trách nhiệm nặng nề của Trưởng khoa. Tổ chức học tập đúng kế hoạch cho đông đảo sinh viên các lớp ở ba tỉnh miền Tây và một ở miền Trung xa xôi còn khó khăn hơn.

Nhiều thầy, cô giáo đến dạy cho sinh viên các lớp Đông Nam Á học nói với tôi nhận xét rất đáng mừng là: sinh viên ngoan, ham học, các tập thể “dễ thương”, đoàn kết, kỷ luật... Sinh viên các lớp nhất là ở các tỉnh xa, rất kính trọng, quý mến và biết ơn các thầy, cô giáo tận tình giảng dạy cho lớp.

Khoa Đông Nam Á học của Viện Đào tạo mở rộng (sau là Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh) đã sớm được biết đến ở ngoài nước. Với một ngành khu vực học như Đông Nam Á học trong thời kỳ hội nhập mà tạo lập được quan hệ rộng rãi với nhiều nước cũng góp phần làm cho chất lượng đào tạo tốt.

Những vị khác nước ngoài đầu tiên mà tôi đã tiếp đón năm 1991 và sinh viên khoa Đông Nam Á học được nghe thuyết trình là Giáo sư Bera Dahm (Viện trưởng Viện Đông Nam Á của Đại học Passan, Cộng hòa Liên bang Đức), giáo sư Denys Lombard (Giám đốc Viễn Đông Bắc cổ Pháp), giáo sư M.M.Gatchalins (Đại học Philippines) và Tiến sĩ Dương Bảo Quân (Đại học Bắc Kinh).

Những người trở thành bạn thân thiết có được quan hệ chặt chẽ, lâu dài với khoa Đông Nam Á học thì đến từ Hàn Quốc. Năm 1992, vào lúc Việt Nam và Hàn Quốc sắp đặt quan hệ ngoại giao chính thức, tôi tiếp đón GS.Kim Soon Kyi (Đại học KyungNam) và GS. Hwang Gyu Yuen (Đại học Pusan) đến thăm khoa Đông Nam Á học. Từ đó tôi đã đón nhiều đoàn sinh viên của trường Đại học Pusan đến tham quan học tập. Năm 1994 tôi đã dẫn đầu đoàn 20 sinh viên của khoa sang Hàn Quốc theo quyết định số 3742/QHQT của Bộ Giáo dục và Đào tạo “cử giáo sư Nguyễn Quốc Lộc đi công tác tại Hàn Quốc trong chương trình hợp tác trao đổi sinh viên sang học tập, tham quan trường Đại học Pusan, từ 11 – 8 – 1994 đến ngày 25 – 8 – 1994”. Năm 1998 Đại học Kyungnam cấp hai học bổng thạc sĩ tại Hàn Quốc cho trường Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh trong đó có Lê Thị Cẩm Hương của khoa Đông Nam Á học.

Trong quan hệ với Nhật Bản tôi đã được phía bạn viện trợ cho khoa một phòng lab trị giá 80.000 USD, lắp đặt xong phục vụ cho sinh viên học tiếng Nhật từ tháng 3 năm 1995.

Quan hệ chặt chẽ hơn cả là với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Tôi đã tiếp đón nhiều đoàn của trường Đại học Malaya (Malaysia), Đại học quốc gia Singapore, Đại học Chulalongkorn (Thái Lan). Tháng 4 năm 1995 tôi đã đưa đoàn 7 sinh viên năm thứ tư đi Malaysia thực tập làm luận văn tốt nghiệp. Chúng tôi đã thăm khoa Đông Nam Á học Trường Đại học Malaya do GS.Taharol Tabb đứng đầu. Sau đó, một đoàn sinh viên khác do tôi hướng dẫn đi nghiên cứu di sản dân tộc học ở Indonesia. Tôi cũng đã đến thăm và làm việc ở Viện Nghiên cứu châu Á thuộc Đại học Chulalongkorn (Thái Lan) và Viện Nghiên cứu Đông Nam Á của Singapore năm 1996. Khoa Đông Nam Á học của Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh đã được mời cử một đoàn 4 sinh viên đến dự “cuộc thi hùng biện ASEAN” tổ chức tại Kualalumpur (Malaysia) vào tháng 8 năm 1996. Một đoàn sinh viên khác của khoa Đông Nam Á học do giáo sư Nguyễn Tấn Đắc dẫn đầu đến thăm trường Đại học của Philippines cũng vào năm 1996.

Trong những năm 1994-1996 tôi đã đưa được hàng chục đoàn với hàng trăm lượt sinh viên đến các trường Đại học của các nước trong khu vực. Hoạt động đó giúp cho sinh viên của khoa được giao lưu, học hỏi và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giao lưu, hội nhập còn được làm nhiều hơn chính là ở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đông đảo sinh viên Khoa Đông Nam Á học tích cực tham gia các sinh hoạt giao lưu, triển lãm, tham dự các lễ hội truyền thống, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về các nước Đông Nam Á ở Nhà văn hóa Thanh niên, Nhà Hữu nghị Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1995, khi Việt Nam chính thức nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thì sinh viên khóa I

ngành Đông Nam Á học của Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn tất chương trình đào tạo đã được Bộ phê duyệt (Văn bản số 9183/ĐH). Chúng tôi khẩn trương chuẩn bị và sinh viên hy vọng sẽ được nhận bằng tốt nghiệp vào cuối năm 1995. Nhưng chưa được phép vì còn phải chờ mã số.

Báo Nhân dân số ra ngày 20 tháng 8 năm 1995 đã đăng bài “Mã số” ngành nghề đào tạo phải theo kịp yêu cầu cuộc sống” của nhà báo Thao Lâm. Bài báo viết: Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học đầu tiên ở nước ta mở ngành đào tạo Đông Nam Á học. Đáp ứng nhu cầu thực tế, bốn năm qua số sinh viên theo học ngành này tăng lên không ngừng... Đến nay sinh viên khóa đầu tiên đang hoàn thành phần chương trình năm cuối và chuẩn bị tốt nghiệp. Nhưng một điều nan giải đang đặt ra là ngành Đông Nam Á học mới chỉ có “mã số” trong cuộc sống mà chưa có “mã số” trong danh mục các ngành nghề được công nhận chính thức của hệ thống giáo dục, đào tạo. Do vậy số sinh viên sắp tốt nghiệp đang lo ngại không biết mình có được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng đại học hay không, mặc dù cuộc sống đang rất cần cán bộ ngành này.

Mở ra ngành học mới đón trước yêu cầu của cuộc sống, đáp ứng nhu cầu người học cũng như nhu cầu cán bộ của đất nước lẽ ra, cơ sở đào tạo đó phải được khen nhưng ngược lại đã bị xét nét vì “tội” đào tạo một trong số những ngành học “lạ tai” ở nước ta như Đông Nam Á học. Đúng là công tác quản lý quản lý giáo dục, đào tạo, một mặt cần phải giữ vững kỷ cương, những mặt khác lại phải hết sức nhạy bén trước những yêu cầu mới của cuộc sống, thấy đâu là mầm mống của những nhân tố mới trong quá trình đa dạng hóa các loại hình đào tạo cũng như các ngành nghề đào tạo, để tạo điều kiện cho nó phát triển..”

Lễ tốt nghiệp cho 125 sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên được tổ chức trọng thể tại Nhà hát Thành phố vào sáng ngày 4 tháng 5 năm 1996.

Báo Tuổi trẻ số ra ngày 7-5-1996 đưa tin viết: “...Đây là những sinh viên ngành Đông Nam Á học đầu tiên trong cả nước – lễ ra đã tốt nghiệp vào tháng 11 – 1995 nếu như không có sự kiện “trục trặc” (chờ ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ngành học)...”

Trong thư gửi chúc mừng đọc tại lễ phát bằng cử nhân Đông Nam Á học, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cẩm đã viết: “...Nhà trường thành lập khoa Đông Nam Á học với khóa sinh viên tốt nghiệp đầu tiên là một đóng góp rất thiết thực và rất có ý nghĩa”. Trong 125 sinh viên tốt nghiệp có đến 18 người đạt loại giỏi, 2 sinh viên xuất sắc -Thủ khoa Khóa I Phan Thị Hồng Xuân (đạt 9,37 điểm) được nhận bằng danh dự do giáo sư Trần Văn Giàu trao.

Trong “Lời cảm ơn” in ở kỷ yếu và đọc tại lễ phát bằng tôi đã nói:

- “Hôm nay, 04 tháng 05 năm 1996, là ngày hội lớn, ngày có ý nghĩa trọng đại đối với Khoa Đông Nam Á học thuộc Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh: 125 sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp. Đây là những cử nhân Đông Nam Á học đầu tiên ở nước ta.

Hoàn thành được chương trình đào tạo mà hôm nay được Bộ cho cấp bằng cử nhân Đông Nam Á học, chúng tôi đã trải qua một chặng đường với nhiều thử thách. Trong buổi “Vạn sự khởi đầu nan đó, chúng tôi đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ, động viên, khích lệ hết sức quý báu của cấp trên, của các cơ quan, các nhà khoa học, các đồng nghiệp...”

Sau khi nói những lời tri ân với những địa chỉ cụ thể, tôi nói với các tân cử nhân:

- “Những tháng ngày lắm mệt nhọc và nhiều lo lắng đã qua. Các bạn đã thành đạt. Giờ đây, tấm bằng cử nhân Đông Nam Á học trong tay các bạn. Xin các bạn làm tốt lời tuyên thệ của sinh viên tốt nghiệp Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh: Suốt đời tự hoàn thiện bản thân phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vì sự phồn vinh của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Đến nay, đã 10 năm tính từ ngày lễ tốt nghiệp đầu tiên của khoa Đông Nam Á học.

Có phải, người mẹ dù sinh nhiều con, thì đứa con đầu lòng bao giờ cũng được sinh ra một cách khác và cũng

đem lại cho người mẹ một hạnh phúc riêng? Đưa con đầu lòng của người mẹ trẻ ra đời trong tình hình có nhiều khó khăn là niềm tự hào chính đáng. Đó là kết quả lao động quên mình của khoa Đông Nam Á học mà tôi vinh dự là Trưởng khoa. Để rồi từ đó có khóa 2, 3, khóa 10 và nhiều khóa nữa tốt nghiệp ra trường.

Sau khóa I, Khoa Đông Nam Á học Trường Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh đã liên tục cung cấp cho xã hội 271 sinh viên tốt nghiệp khóa II (trong đó có 84 người ở lớp Vĩnh Long), 613 người khóa III (trong đó có 87 ở lớp Phú Yên, 75 ở lớp Kiên Giang và 63 ở lớp Vĩnh Long) và 414 người tốt nghiệp khóa IV (trong đó có 163 sinh viên lớp Kiên Giang).

Như vậy, tính đến sau khi sinh viên khóa IV (1994-1999) ra trường, Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp cho xã hội 1.523 cử nhân khoa học ngành Đông Nam Á học, trong đó có 472 người học ở 5 lớp mở tại 4 tỉnh: Vĩnh Long (2 khóa), Phú Yên, Kiên Giang và Bạc Liêu.

Giáo sư Trần Văn Giàu, cố vấn khoa Đông Nam Á học đã viết trong thư gửi chúc mừng sinh viên khóa IV tốt nghiệp: “Đi đầu trong việc mở ngành Đông Nam Á học ở nước ta là một thành tích lớn của Trường Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh. Song, quan trọng nhất không phải ở chỗ mở một khoa khoa học xã hội cần thiết mà trước giờ chưa có trong giáo dục, quan trọng là ở chỗ công tác đào tạo đem lại kết quả tốt mong đợi...”

Tôi thật hạnh phúc và tự hào về “kết quả tốt mong đợi” đó. Năm cuối cùng của thế kỷ XX sau khi tiễn sinh viên khóa 4 tốt nghiệp ra trường, trong khoa Đông Nam Á học còn các lớp từ khóa 5 (1995-1999) đến khóa 8 (1998-2002) đang học, để rồi lần lượt có gần một ngàn người nhận bằng cử nhân của ngành học mới mẻ này. Rồi tiếp tục vào trường là khóa 9, khóa 10, và giờ đây là khóa 11 (2006-2010).

Từ năm 1996 Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh đã chiêu sinh hệ đào tạo từ xa ngành Đông Nam Á học. Đến năm đầu của thế kỷ XXI đã có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên hệ từ xa nhận bằng cử nhân Đông Nam Á học.

Sức sống và sự lớn mạnh của khoa Đông Nam Á học Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh ở chỗ là tạo dựng được một thành quả đào tạo lớn (số lượng), tốt (chất lượng) và mở đầu cho một truyền thống đang được tiếp nối.

Tôi đã vượt qua chính mình, thành công và thành danh với ngành đào tạo Đông Nam Á học ở Trường Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thập niên cuối của thế kỷ XX dù bận nhiều việc nhưng tôi hân hạnh được tham gia vào sự nghiệp đào tạo sau Đại học tại các trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học khoa học Huế và nhiều nhất là Viện khoa học xã hội. Ở Viện, anh Mạc Đường đã dành nhiều tâm huyết cho công tác đào tạo cán bộ dân tộc học trên đại học. Tôi được mời giảng chuyên đề hướng dẫn nghiên cứu sinh và tham gia nhiều hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp nhà nước. Tôi đã rất xúc động khi ngồi ở bàn Hội đồng nhìn những anh chị em trước đây học ở trường Đại học Tổng hợp Huế, nay bảo vệ luận văn, luận án tiến sĩ (Trần Toàn, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Hanh, Nguyễn Xuân Lý, Hoàng Thị Ai Nhiên, Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Hiệp Ngọc...).

Bước sang thế kỷ XXI Trường Đại học Mở-Bán công tròn 10 năm xây dựng và trưởng thành, tính từ thuở ban đầu là Viện Đào tạo mở rộng. Năm 1999 trên mảnh đất rộng hơn 2000m<sup>2</sup> ở 97 – Võ Văn Tần, Quận 3, một tòa nhà mới, cao 6 tầng đã được xây xong.

Khoa Đông Nam Á học được di chuyển từ 91 Nguyễn Chí Thanh, quận 5 về tòa nhà mới, văn phòng khoa bố trí tại phòng 201 còn phòng lab đặt ở phòng 206. Bức tượng Siva được bài trí ở văn phòng khoa, đặt ngay sau lưng bàn làm việc của Trưởng khoa, như vẫn đặt trước đây.

Tòa nhà mới đưa vào sử dụng đúng vào lúc Trường Đại học Mở-Bán công tròn 10 tuổi. Vào dịp có ý nghĩa này có hai cán bộ của trường nhận được bằng khen của Thủ tướng chính phủ. Đó là Phó Hiệu trưởng PGS.TS.Đặng Công Minh và Trưởng khoa Đông Nam Á học PGS.TS.Nguyễn Quốc Lộc. Nhiều người khác trong trường được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen. Trước đó tôi đã vinh dự được nhận huy hiệu 40 tuổi Đảng, Huy

chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì sự nghiệp các Hội khoa học – kỹ thuật, Huy chương Vì Thế hệ trẻ và các bằng khen của Bộ, của Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 6 tháng 10 năm 1999 tôi nhận được Quyết định số 3836/QĐ/BGD-ĐT-TCCB cho nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Cùng nghỉ việc một lúc với tôi còn có các anh: PGS.TS.Vũ Thế Phú (Trưởng khoa Quản trị kinh doanh), PGS.TS.Trịnh Bốn (Trưởng khoa Công Thôn), Chu Văn Vị (Trưởng phòng Quản trị – thiết bị) và Bùi Văn Như (Trưởng Ban khoa học cơ bản). Đó là năm cán bộ đã nhiều năm đóng góp xây dựng Trường Đại học Mở-Bán công Thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi sẵn sàng cho việc nghỉ hưu của mình, đã hoàn thành các thủ tục sáng lập ra “Viện Hợp tác nghiên cứu ASEAN”. Ngày 1 tháng 2 năm 2000 đã có Quyết định số 08/QĐ-TW của Trung ương Hội Khoa học Đông Nam Á bổ nhiệm tôi giữ chức vị Viện trưởng. Điều 2 của quyết định ghi: “Ông Nguyễn Quốc Lộc chịu trách nhiệm chính trong việc điều hành mọi hoạt động của Viện Hợp tác nghiên cứu ASEAN trước Pháp luật Nhà nước và trước Trung ương Hội khoa học Đông Nam Á Việt Nam”.

Ngày 8 tháng 5 năm 2000 Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1161/QĐ cho tôi hưởng chế độ hưu trí. Trong quyết định ghi rõ “Tổng số thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội của tôi là 46 năm 5 tháng, trong đó thời gian trong lực lượng vũ trang 7 năm và thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là 21 năm 10 tháng.